

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**

Địa chỉ: Số 02 An Đà - P. Gia Viên - TP. Hải Phòng

ĐT : 0225 3813979- 0225 3640 973 - Fax: 0225.3813989

E-mail: contact@nhuatienphong.vn

Web: Nhuatienphong.vn

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM PHỤ TÙNG NHỰA HDPE (PE80) HÀN DÁN**THEO TIÊU CHUẨN ISO4427-3:2019**

(Thực hiện từ 10/04/2026 đến khi có thông báo thay đổi)

STT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT (đã bao gồm 8% thuế GTGT)
	PHỤ TÙNG HDPE - PE80 HÀN				
	Nôi góc 45 độ PE80 hàn				
1	125	6.0	cái	283,200	305,856
2	125	8.0	cái	345,700	373,356
3	125	10.0	cái	419,300	452,844
4	125	12.5	cái	502,300	542,484
5	140	6.0	cái	372,500	402,300
6	140	8.0	cái	454,900	491,292
7	140	10.0	cái	548,200	592,056
8	140	12.5	cái	659,800	712,584
9	180	6.0	cái	628,900	679,212
10	180	8.0	cái	771,300	833,004
11	180	10.0	cái	931,200	1,005,696
12	180	12.5	cái	1,112,200	1,201,176
13	225	6.0	cái	1,020,500	1,102,140
14	225	8.0	cái	1,242,000	1,341,360
15	225	10.0	cái	1,503,900	1,624,212
16	225	12.5	cái	1,800,500	1,944,540
17	280	6.0	cái	2,094,100	2,261,628
18	280	8.0	cái	2,549,700	2,753,676
19	280	10.0	cái	3,080,400	3,326,832
20	280	12.5	cái	3,703,100	3,999,348
21	315	6.0	cái	2,993,400	3,232,872
22	315	8.0	cái	3,643,700	3,935,196
23	315	10.0	cái	4,396,000	4,747,680
24	315	12.5	cái	5,285,200	5,708,016
25	355	6.0	cái	4,271,800	4,613,544
26	355	8.0	cái	5,194,900	5,610,492
27	355	10.0	cái	6,272,500	6,774,300
28	355	12.5	cái	7,542,200	8,145,576
29	400	6.0	cái	5,709,200	6,165,936
30	400	8.0	cái	6,968,600	7,526,088
31	400	10.0	cái	8,410,800	9,083,664
32	400	12.5	cái	10,117,100	10,926,468
33	450	6.0	cái	7,660,900	8,273,772
34	450	8.0	cái	9,339,400	10,086,552
35	450	10.0	cái	11,297,500	12,201,300
36	450	12.5	cái	13,556,800	14,641,344
37	500	6.0	cái	10,693,100	11,548,548
38	500	8.0	cái	13,002,200	14,042,376

STT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT (đã bao gồm 8% thuế GTGT)
39	500	10.0	cái	15,748,100	17,007,948
40	500	12.5	cái	18,858,500	20,367,180
41	560	6.0	cái	14,418,100	15,571,548
42	560	8.0	cái	17,600,700	19,008,756
43	560	10.0	cái	21,257,800	22,958,424
44	630	6.0	cái	18,823,900	20,329,812
45	630	8.0	cái	22,946,300	24,782,004
46	630	10.0	cái	27,666,200	29,879,496
47	710	6.0	cái	25,243,000	27,262,440
48	710	8.0	cái	30,657,700	33,110,316
49	710	10.0	cái	37,247,200	40,226,976
50	800	6.0	cái	33,039,300	35,682,444
51	800	8.0	cái	40,119,100	43,328,628
52	900	6.0	cái	46,749,300	50,489,244
53	900	8.0	cái	57,027,600	61,589,808
54	1000	6.0	cái	64,362,400	69,511,392
55	1000	8.0	cái	79,073,800	85,399,704
56	1200	6.0	cái	98,210,300	106,067,124
	Nối góc 90 độ PE80 hàn				
57	125	6.0	cái	376,500	406,620
58	125	8.0	cái	459,600	496,368
59	125	10.0	cái	557,000	601,560
60	125	12.5	cái	667,700	721,116
61	140	6.0	cái	489,700	528,876
62	140	8.0	cái	597,300	645,084
63	140	10.0	cái	720,700	778,356
64	140	12.5	cái	867,000	936,360
65	180	6.0	cái	851,300	919,404
66	180	8.0	cái	1,043,400	1,126,872
67	180	10.0	cái	1,259,400	1,360,152
68	180	12.5	cái	1,505,500	1,625,940
69	225	6.0	cái	1,413,600	1,526,688
70	225	8.0	cái	1,721,300	1,859,004
71	225	10.0	cái	2,084,500	2,251,260
72	225	12.5	cái	2,495,200	2,694,816
73	280	6.0	cái	2,829,700	3,056,076
74	280	8.0	cái	3,445,100	3,720,708
75	280	10.0	cái	4,162,600	4,495,608
76	280	12.5	cái	5,003,600	5,403,888
77	315	6.0	cái	4,097,800	4,425,624
78	315	8.0	cái	4,987,700	5,386,716
79	315	10.0	cái	6,018,500	6,499,980
80	315	12.5	cái	7,235,900	7,814,772
81	355	6.0	cái	6,336,700	6,843,636
82	355	8.0	cái	7,706,600	8,323,128
83	355	10.0	cái	9,304,800	10,049,184
84	355	12.5	cái	11,189,000	12,084,120
85	400	6.0	cái	8,189,300	8,844,444

STT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT (đã bao gồm 8% thuế GTGT)
86	400	8.0	cái	9,996,200	10,795,896
87	400	10.0	cái	12,065,400	13,030,632
88	400	12.5	cái	14,513,900	15,675,012
89	450	6.0	cái	10,780,900	11,643,372
90	450	8.0	cái	13,143,000	14,194,440
91	450	10.0	cái	15,898,300	17,170,164
92	450	12.5	cái	19,078,600	20,604,888
93	500	6.0	cái	14,382,600	15,533,208
94	500	8.0	cái	17,488,400	18,887,472
95	500	10.0	cái	21,181,900	22,876,452
96	500	12.5	cái	25,366,000	27,395,280
97	560	6.0	cái	19,763,700	21,344,796
98	560	8.0	cái	24,127,200	26,057,376
99	560	10.0	cái	29,140,300	31,471,524
100	630	6.0	cái	26,966,600	29,123,928
101	630	8.0	cái	32,872,200	35,501,976
102	630	10.0	cái	39,633,800	42,804,504
103	710	6.0	cái	37,951,900	40,988,052
104	710	8.0	cái	46,092,800	49,780,224
105	710	10.0	cái	56,000,500	60,480,540
106	800	6.0	cái	52,304,300	56,488,644
107	800	8.0	cái	63,512,300	68,593,284
108	900	6.0	cái	73,814,700	79,719,876
109	900	8.0	cái	90,043,400	97,246,872
110	1000	6.0	cái	101,560,700	109,685,556
111	1000	8.0	cái	124,774,600	134,756,568
112	1200	6.0	cái	159,170,000	171,903,600
	Ba chạc 90 độ PE80 hàn				
113	125	6.0	cái	583,800	630,504
114	125	8.0	cái	697,700	753,516
115	140	6.0	cái	739,000	798,120
116	140	8.0	cái	889,200	960,336
117	180	6.0	cái	1,278,500	1,380,780
118	180	8.0	cái	1,534,700	1,657,476
119	250	6.0	cái	2,640,700	2,851,956
120	250	8.0	cái	3,161,200	3,414,096
121	280	6.0	cái	3,404,800	3,677,184
122	280	8.0	cái	4,075,600	4,401,648
123	315	6.0	cái	4,434,800	4,789,584
124	315	8.0	cái	5,336,600	5,763,528
125	355	6.0	cái	8,149,700	8,801,676
126	355	8.0	cái	9,804,600	10,588,968
127	400	6.0	cái	10,651,100	11,503,188
128	400	8.0	cái	12,791,800	13,815,144
129	450	6.0	cái	13,900,900	15,012,972
130	450	8.0	cái	16,666,500	17,999,820
131	500	6.0	cái	17,655,300	19,067,724
132	500	8.0	cái	21,158,200	22,850,856

STT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	GIÁ NIÊM YẾT	
				TRƯỚC VAT	SAU VAT (đã bao gồm 8% thuế GTGT)
133	560	6.0	cái	28,065,100	30,310,308
134	630	6.0	cái	36,615,700	39,544,956
135	710	6.0	cái	49,691,800	53,667,144
	Ba chạc 60 độ PE80 hàn				
136	90	6.0	cái	308,500	333,180
137	90	8.0	cái	369,400	398,952
138	110	6.0	cái	497,500	537,300
139	110	8.0	cái	597,300	645,084
140	125	6.0	cái	684,300	739,044
141	125	8.0	cái	819,600	885,168
142	140	6.0	cái	894,800	966,384
143	140	8.0	cái	1,075,900	1,161,972
144	160	6.0	cái	1,287,800	1,390,824
145	160	8.0	cái	1,537,900	1,660,932
146	180	6.0	cái	1,813,300	1,958,364
147	180	8.0	cái	2,167,600	2,341,008
148	200	6.0	cái	2,411,300	2,604,204
149	200	8.0	cái	2,897,000	3,128,760
150	225	6.0	cái	3,300,400	3,564,432
151	225	8.0	cái	3,950,700	4,266,756
152	250	6.0	cái	4,218,000	4,555,440
153	250	8.0	cái	5,051,100	5,455,188
154	280	6.0	cái	5,456,900	5,893,452
155	280	8.0	cái	6,558,700	7,083,396
156	315	6.0	cái	7,433,800	8,028,504
157	315	8.0	cái	8,937,600	9,652,608
158	355	6.0	cái	9,725,400	10,503,432
159	355	8.0	cái	11,694,600	12,630,168
160	400	6.0	cái	13,555,900	14,640,372
161	400	8.0	cái	16,306,600	17,611,128
162	450	6.0	cái	18,273,200	19,735,056
163	450	8.0	cái	21,928,800	23,683,104
164	500	6.0	cái	28,414,000	30,687,120
165	500	8.0	cái	34,025,900	36,747,972
166	560	6	cái	42,793,000	46,216,440
167	630	6	cái	57,566,800	62,172,144
168	710	6	cái	83,827,000	90,533,160
	Ba chạc 45 độ PE80 hàn				
169	90	6.0	cái	275,400	297,432
170	90	8.0	cái	329,100	355,428
171	110	6.0	cái	460,400	497,232
172	110	8.0	cái	552,300	596,484
173	125	6.0	cái	666,100	719,388
174	125	8.0	cái	799,000	862,920
175	140	6.0	cái	830,700	897,156
176	140	8.0	cái	1,001,500	1,081,620
177	160	6.0	cái	1,202,500	1,298,700
178	160	8.0	cái	1,436,600	1,551,528

